

UBND HUYỆN CƯ JÚT  
TRƯỜNG TH Y JUT  
Số: 02/QĐ-THYJ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Tâm Thắng, ngày 08 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC Y JUT**

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và số Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số  
61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân  
sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;  
Căn cứ thông quyết định số 170/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2024 của phòng  
Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Jút về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm  
2024;  
Theo đề nghị của bộ phận tài chính – kế toán nhà trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của trường TH Y Jut là 5.367.000.000 đồng (Năm tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng) (Có biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài chính và các bộ phận có liên quan thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VP,KT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Phi Thi Hải**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
*Kèm theo Quyết định số 02c / QĐ-THYJ ngày 08 / 01. / 2025 Của trường Tiểu học Y Jut )*

Đơn vị tính:

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                | 3                 |
| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                               |                   |
| 1     | Lệ phí                                           |                   |
| 2     | Phí                                              |                   |
| 3     | Thu SXKD, dịch vụ                                |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 |                   |
| 1     | Chi sự nghiệp                                    |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           |                   |
| 3     | Chi SXKD, dịch vụ                                |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước            |                   |
| 1     | Lệ phí                                           |                   |
| 2     | Phí                                              |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 5.367.000.000     |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       | 5.367.000.000     |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 5.367.000.000     |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 5.128.000.000     |
|       | - Mục: 7750 Chi khác                             | 5.128.000.000     |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 239.000.000       |
|       | - Mục: 7750 Chi khác                             | 239.000.000       |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |

